



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIỂU HÀNG HẢI KHU VỰC VII  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO KỶ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 18

TH

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kể thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ GIÁM ĐỐC**

Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Chủ tịch Công ty**

1. Ông Nguyễn Hữu Nghiêm                      Chủ tịch

#### **Giám đốc**

1. Ông Lê Văn Xếp                                      Giám đốc

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Văn Xếp – Giám đốc Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kể thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Giám đốc,



Lê Văn Xếp  
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 13 tháng 07 năm 2021



Số: 071301/2021/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 07 năm 2021, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Như Phương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2018-072-01  
Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2021



**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2018-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.364.807.335</b>	<b>12.220.984.640</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.887.950.426</b>	<b>1.621.685.515</b>
1. Tiền	111		887.950.426	1.621.685.515
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	8.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>351.961.336</b>	<b>320.789.390</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	141.771.782	54.391.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		290.000	40.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	209.899.554	226.398.234
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.729.426</b>	<b>14.119.482</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.729.426	14.119.482
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>120.166.147</b>	<b>264.390.253</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	120.166.147	148.678.501
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	-	115.711.752
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.722.450.839</b>	<b>9.882.311.427</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.336.510.880</b>	<b>9.572.517.785</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.336.510.880	9.572.517.785
- Nguyên giá	222		13.930.548.738	13.930.548.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.594.037.858)	(4.358.030.953)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>382.939.959</b>	<b>306.793.642</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	382.939.959	306.793.642
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>22.087.258.174</b>	<b>22.103.296.067</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.023.078.825</b>	<b>3.371.528.139</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.913.578.825</b>	<b>3.297.028.139</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	79.200.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	299.663.130	88.382.449
3. Phải trả người lao động	314		1.574.245.200	2.112.761.732
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		247.500	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.039.422.995	1.016.683.958
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.500.000</b>	<b>74.500.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.6	109.500.000	74.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.064.179.349</b>	<b>18.731.767.928</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>19.064.179.349</b>	<b>18.731.767.928</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.564.099.192	18.564.099.192
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		500.080.157	167.668.736
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>22.087.258.174</b>	<b>22.103.296.067</b>



Trịnh Minh Hiệp  
Người lập



Trịnh Minh Hiệp  
Phụ trách kế toán



  
Lê Văn Xếp  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 07 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.870.749.141	6.409.214.937
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	7.870.749.141	6.409.214.937
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.485.224.842	2.443.999.365
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.385.524.299	3.965.215.572
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	222.035.996	38.689.281
6. Chi phí tài chính	22		-	-
7. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2.831.901.698	2.708.753.348
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.775.658.597	1.295.151.505
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.775.658.597	1.295.151.505
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	355.131.719	259.030.301
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.420.526.878	1.036.121.204

Trịnh Minh Hiệp  
Người lập

Trịnh Minh Hiệp  
Phụ trách kế toán



Là Văn Xếp  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 07 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.775.658.597	596.741.917
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	236.006.905	100.839.114
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(222.035.996)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.789.629.506	697.581.031
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	69.297.339	39.429.265
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	9.390.056	1.737.639
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.743.120.589)	354.309.734
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(47.633.963)	35.721.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(48.575.901)	(91.739.990)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(270.350.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.986.448	766.688.800
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(3.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	237.278.463	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.237.278.463	(1.500.000.000)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.266.264.911	(733.311.200)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.621.685.515	1.747.710.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.887.950.426	1.014.399.311



Trịnh Minh Hiệp  
Người lập



Trịnh Minh Hiệp  
Phụ trách kế toán



Lê Văn Xếp  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 07 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100733167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2011. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE SEVENTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 28 người).

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng (Mười tám tỷ chín trăm bảy mươi một triệu đồng). Đến thời điểm báo cáo này, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

**Chủ sở hữu Công ty**

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Quy Nhơn và Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải	10 - 13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	65.814.740	134.548.000
Tiền gửi ngân hàng	822.135.686	1.487.137.515
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.887.950.426</b>	<b>1.621.685.515</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định với lãi suất từ 2,8%/năm - 3,3%/năm.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định với lãi suất từ 4,6%/năm - 5,1%/năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại Thành phố Quy Nhơn	47.323.954	-
Công ty Cổ phần Nguyệt Anh	33.633.508	-
Công ty Cổ phần Vận tải Và Giao nhận Đông Nam Á	6.876.000	15.324.550
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	53.938.320	39.066.606
<b>Cộng</b>	<b>141.771.782</b>	<b>54.391.156</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Lãi dự thu ngân hàng	209.652.054	224.894.521
- Phải thu khác	247.500	1.503.713
<b>Cộng</b>	<b>209.899.554</b>	<b>226.398.234</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Kỳ cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.387.505	31.116.669
- Chi phí mua bảo hiểm	25.987.263	22.663.287
- Chi phí sửa chữa	58.812.208	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.979.171	94.898.545
<b>Cộng</b>	<b>120.166.147</b>	<b>148.678.501</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa	60.427.502	29.302.371
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	236.592.992	195.231.755
- Chi phí trả trước dài hạn khác	85.919.465	82.259.516
<b>Cộng</b>	<b>382.939.959</b>	<b>306.793.642</b>

**6. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	109.500.000	74.500.000
<b>Cộng</b>	<b>109.500.000</b>	<b>74.500.000</b>



**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VII**

Số 01 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng,

Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.729.426	-	14.119.482	-
<b>Cộng</b>	<b>4.729.426</b>	<b>-</b>	<b>14.119.482</b>	<b>-</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	11.190.481.542	596.176.273	1.847.529.286	296.361.637	13.930.548.738
Số dư cuối kỳ	11.190.481.542	596.176.273	1.847.529.286	296.361.637	13.930.548.738
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LÚY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	1.805.334.861	596.176.273	1.745.078.602	211.441.217	4.358.030.953
Khấu hao trong kỳ	111.542.988	-	102.450.684	22.013.233	236.006.905
Số dư cuối kỳ	1.916.877.849	596.176.273	1.847.529.286	233.454.450	4.594.037.858
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	9.385.146.681	-	102.450.684	84.920.420	9.572.517.785
Tại ngày cuối kỳ	9.273.603.693	-	-	62.907.187	9.336.510.880

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 2.641.379.014 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 732.849.728 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp/Bù trừ trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.711.752	115.711.752	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>115.711.752</b>	<b>115.711.752</b>						
<b>b. Các khoản phải nộp</b>								
Thuế giá trị gia tăng	16.587.991	167.539.527	131.636.650	52.490.868				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	239.419.967	48.575.901	190.844.066				
Thuế thu nhập cá nhân	71.794.458	487.072.924	502.539.186	56.328.196				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	45.034.175	45.034.175	-				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-				
<b>Cộng</b>	<b>88.382.449</b>	<b>942.066.593</b>	<b>730.785.912</b>	<b>299.663.130</b>				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

10. Vốn chủ sở hữu	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>				
Số dư đầu năm trước	18.564.099.192	-	-	18.564.099.192
Tăng trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.331.769.329	1.331.769.329
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	167.668.736	(1.331.769.329)	(1.164.100.593)
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>18.564.099.192</b>	<b>167.668.736</b>	<b>-</b>	<b>18.731.767.928</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.420.526.878	1.420.526.878
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	332.411.421	(1.420.526.878)	(1.088.115.457)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	332.411.421	(332.411.421)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.048.419.513)	(1.048.419.513)
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	(39.695.944)	(39.695.944)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.564.099.192</b>	<b>500.080.157</b>	<b>-</b>	<b>19.064.179.349</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu của Công ty**

Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cộng	18.564.099.192	18.564.099.192
	<b>18.564.099.192</b>	<b>18.564.099.192</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4100733167 thay đổi lần thứ 03, ngày 21 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ là 18.971.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 18.564.099.192 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.870.749.141</b>	<b>6.409.214.937</b>
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	7.624.385.511	6.188.305.851
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	246.363.630	220.909.086
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.870.749.141</b>	<b>6.409.214.937</b>

**2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ hoa tiêu	3.426.153.834	2.378.356.465
Cho thuê văn phòng	59.071.008	65.642.900
<b>Cộng</b>	<b>3.485.224.842</b>	<b>2.443.999.365</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	222.035.996	38.689.281
<b>Cộng</b>	<b>222.035.996</b>	<b>38.689.281</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.968.502.868	1.748.345.419
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.578.591	56.532.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.247.621	110.019.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.638.080	188.176.398
Chi phí bằng tiền khác	455.934.538	605.679.984
<b>Cộng</b>	<b>2.831.901.698</b>	<b>2.708.753.348</b>

**5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.775.658.597</b>	<b>1.295.151.505</b>
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.775.658.597</b>	<b>1.295.151.505</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>355.131.719</b>	<b>259.030.301</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>355.131.719</b>	<b>259.030.301</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	345.764.129	255.996.139
Chi phí nhân công	4.782.457.872	3.673.796.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.006.905	210.217.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.983.096	260.422.200
Chi phí khác bằng tiền	621.914.538	752.319.984
<b>Cộng</b>	<b>6.317.126.540</b>	<b>5.152.752.713</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Thu nhập của Chủ tịch và Giám đốc Công ty trong kỳ:*

Bên liên quan	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Hữu Nghiêm	360.879.057	322.150.073
Ông Lê Văn Xếp	358.966.360	320.115.165
<b>Cộng</b>	<b>719.845.417</b>	<b>642.265.238</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 chưa được kiểm toán.



Trịnh Minh Hiệp  
Người lập



Trịnh Minh Hiệp  
Phụ trách kế toán



Lê Văn Xếp  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 07 năm 2021